

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 14/3/2022.

Về việc: “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Minh Công;

2. Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Hiếu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia
phiên tòa:** bà Cao Thị Nga

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 119/2021/TLST – DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông T.V.M – sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn M.Th, xã H.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông L.M.D – sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: thôn M.Th, xã H.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà L.T.T.Th – sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M.Th, xã H.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông T.V.M trình bày: ông có cho ông L.M.D vay tiền 02 lần:

+ Lần 1: ngày 03/3/2017 âm lịch ông L.M.D vay số tiền là 20.000.000 đồng, lần 2: ngày 05/3/2017 âm lịch (sau lần 1 hai ngày) ông L.M.D vay số tiền là 10.000.000 đồng.

Khi vay thì chỉ có một mình ông L.M.D đến gặp ông vay tiền, do ông D cầm cổ xe mô tô để vay tiền người khác nên vay tiền ông để chuộc xe về. thời điểm vay lần 1 vào ngày 3/3/2017 âm lịch hai bên có lập giấy vay tiền có nội dung “ngày 03/3/2017 ông L.M.D có mượn ông T.V.M số tiền 20.000.000 đồng, bằng chữ hai chục triệu; thời hạn 12 tháng: trả đủ” việc ông L.M.D vay tiền ông thì bà L.T.T.Th vợ ông L.M.D không biết, cũng không có tham gia, sau này mới biết.

Với 2 khoản tiền cho vay như trên, hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền vay gốc là 12 tháng kể từ ngày vay, về lãi suất hai bên co thỏa thuận ông D trả cho ông mỗi tháng 1.500.000 đồng tiền lãi với tổng số tiền 30.000.000 đồng, ông D trả cho ông mỗi tháng 1.500.000 đồng tiền lãi, ông D trả được 3 tháng tiền lãi với số tiền 4.500.000 đồng. Số tiền ông cho ông L.M.D vay là tiền ông mượn của người khác.

Nay ông yêu cầu một mình ông L.M.D trả cho ông số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất 20% mỗi năm kể từ ngày 03/7/2017 âm lịch đến ngày 18/11/2021 là 4 năm 131 ngày thành 26.153.000 đồng.

Tại phiên tòa ông T.V.M tự nguyện thay đổi số tiền lãi tính từ ngày 03/7/2017 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm thành 10.000.000 đồng, đồng thời không tính lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm trở đi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông L.M.D trình bày:
ông với bà L.T.T.Th là vợ chồng hợp pháp, có quen biết ông T.V.M. Ông có vay tiền của ông T.V.M nhiều lần, tổng cộng 30.000.000 đồng tiền gốc vào năm 2017. ông xác nhận chữ ký đề tên L.M.D trên giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của mình. Mục đích ông vay tiền để do có việc riêng nên vay tiền.

khi vay hai bên có thỏa thuận mỗi tháng 1.500.000 đồng. ông có trả lãi cho ông T.V.M từ khi vay liên tục đến năm 2020, gần 5 năm trôi, mỗi năm trả lãi 18.000.000 đồng, tổng số tiền lãi ông đã trả cho ông M khoảng 90.000.000 đồng. đến giữa năm 2020 thì ông không đóng tiền lãi cho ông M nữa nên ông M

đi kiện ông. Việc ông trả lãi cho ông T.V.M không có tài liệu, chứng cứ gì cũng không có ai chứng kiến.

Bà L.T.T.Th vợ ông không biết, cũng không có tham gia, sau này mới biết việc ông vay tiền ông T.V.M

Hiện nay ông chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của ông M

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L.T.T.Th trình bày: bà với ông L.M.D là vợ chồng hợp pháp, ông T.V.M là hàng xóm. Bà không biết việc ông L.M.D vay tiền của ông T.V.M, không có tham gia, cũng không có sử dụng tiền mà ông D vay của ông M. Bà cũng không biết mục đích ông L.M.D vay tiền để làm gì. Bà cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông T.V.M

Vụ án không tiến hành hòa giải do bị đơn ông L.M.D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L.T.T.Th vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L.M.D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông T.V.M số tiền 36.950.000 đồng, trong đó tiền gốc là 26.950.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn

ông T.V.M nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông L.M.D có địa chỉ tại thôn M.Th, xã H.M, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, ông L.M.D thừa nhận có vay tiền và hiện còn nợ tiền ông T.V.M. Từ đó có đủ căn cứ để xác định đây là vụ án Dân sự quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do đó, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L.T.T.Th vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.T.T.Th theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] ông T.V.M trình bày rằng L.M.D có 2 lần vay tiền của ông T.V.M tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Để chứng minh cho trình bày của mình, nguyên đơn đã giao nộp giấy vay tiền có nội dung “ngày 03/3/2017 ông L.M.D có mượn ông T.V.M số tiền 20.000.000 đồng, bằng chữ hai chục triệu; thời hạn 12 tháng: trả đủ”; Bị đơn ông L.M.D thừa nhận có vay tiền của ông T.V.M nhiều lần vào năm 2017, tổng số tiền là 30.000.000 đồng, đồng thời thừa nhận chữ ký trong giấy nợ do nguyên đơn cung cấp là của mình, do đó có đủ cơ sở xác định: ông L.M.D có vay ông T.V.M tổng số tiền 30.000.000 vào năm 2017 là có thật.

[3.2] Về lãi suất: hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận tính lãi suất, và cùng thống nhất tiền lãi 1.500.000 đồng đối với số tiền 30.000.000 đồng tương đương 5%/tháng.

Ông L.M.D trình bày rằng đã trả lãi liên tục 5 năm từ khi vay nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông T.V.M thừa nhận ông L.M.D có trả tiền lãi được 3 tháng với tổng số tiền 4.500.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà ông L.M.D đã thanh toán cho ông T.V.M là 3 tháng tiền lãi thành 4.500.000 đồng.

Xét thấy: mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468. Do đó căn cứ theo khoản 1 điều 468, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm để làm căn cứ tính lãi suất. Phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực được trừ vào tiền gốc.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11

tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.”

Lãi suất được tính lại cụ thể như sau:

Tháng đầu tiên Số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Số tiền vượt quá là $1.500.000 - (30.000.000 \times 20\%):12 = 1.000.000$ đồng được trừ vào số tiền gốc : $30.000.000 - 1.000.000$ đồng còn 29.000.000 đồng

Tháng thứ 2 tiền gốc là 29.000.000 đồng.

Số tiền lãi vượt quá là $1.500.000 - (29.000.000 \times 20\%):12 = 1.016.667$ đồng được trừ vào số tiền gốc là $29.000.000 - 1.016.667 = 27.983.333$ đồng

Tháng thứ 3 tiền gốc là 27.983.333 đồng

Số tiền vượt quá là $1.500.000 - (27.983.333 \times 20\%):12 = 1.033.611$ đồng được trừ vào số tiền gốc : $27.983.333 - 1.033.611$ đồng còn 26.949.722 đồng

Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận việc ông L.M.D còn nợ lại ông T.V.M số tiền gốc là 26.949.722 đồng là có thật, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi: tại phiên tòa ông T.V.M giảm số tiền lãi còn 10.000.000 đồng (tính ngày ngày 3/7/2017 âm lịch đến ngày 14/3/2022). Số tiền này không vượt quá số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468, cũng là sự tự nguyện của nguyên đơn, không gây bất lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[4] Các đương sự cùng thừa nhận rằng bà L.T.T.Th vợ ông L.M.D không hề hay biết, cũng không sử dụng đến số tiền mà ông L.M.D vay của ông T.V.M, ông L.M.D cũng thừa nhận rằng ông vay tiền để sử dụng cá nhân, ông T.V.M không chứng minh được việc bà L.T.T.Th có tham gia vào giao dịch, do đó không buộc bà L.T.T.Th phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ.

[5] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn ông L.M.D trả cho ông T.V.M toàn bộ số tiền 26.949.722 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi.

Nguyên đơn ông T.V.M tự nguyện không tính tiền lãi vay kể từ ngày 14/3/2022 trở đi, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không gây bất lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[6] Về án phí Dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, 227, 228 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 470, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.V.M.

- buộc bị đơn ông L.M.D trả cho ông T.V.M toàn bộ số tiền 26.949.722 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi.

*** Về án phí:**

Buộc ông L.M.D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 1.847.000 đồng (một triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Ông T.V.M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000368 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Hoàn trả cho ông T.V.M số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nói trên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn ông T.V.M, bị đơn ông L.M.D báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L.T.T.Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- đương sự;
- VKSND Hàm Thuận Nam
- Chi cục THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ